

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 5 - 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chung, ông Lò Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát Viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2026/TLST-HNGĐ ngày 29/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị D, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Bản Khong T, xã Chiềng Kh, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vi Văn Hỏa, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Bản Khong T, xã Chiềng Kh, tỉnh Sơn La. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày:

Chị D và anh Vi Văn Hỏa kết hôn với nhau từ ngày 23/3/2014. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Nơi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, hai bên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống

ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết ly hôn với anh Vi Văn Hòa.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vi Thị V, sinh ngày 15/01/2011 và cháu Vi Thành Đ, sinh ngày 01/10/2013. Khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Hòa phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Vi Văn Hòa đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã tiến hành tổng Đ cho anh Hòa các văn bản tố tụng, lấy lời khai của anh Hòa về những vấn đề liên quan đến Việc giải quyết vụ án. Tại bản tự khai ngày 27/3/2026 anh Vi Văn Hòa trình bày: Anh thừa nhận Việc anh và chị D kết hôn với nhau từ năm 2014, vợ chồng có 02 con chung, quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ lâu. Nay chị D có yêu cầu ly hôn với anh, anh Hòa đồng ý. Về con chung anh đồng ý giao con Vi Thị V, sinh ngày 15/01/2011 và con Vi Thành Đ, sinh ngày 01/10/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung anh không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung anh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Hòa có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3- Sơn La xét xử vắng mặt anh.

Căn cứ kHn 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự như sau:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 26/3/2026 xác định: Chị Lò Thị D và anh Vi Văn Hòa kết hôn với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Noi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La). Quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh Hòa nghiện chất ma túy hiện nay đang bị Công an bắt giữ về có hành V liên quan đến ma túy. Anh Hòa và chị D đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Chị D và anh Hòa có 02 con chung là cháu Vi Thị V, sinh ngày 15/01/2011 và cháu Vi Thành Đ, sinh ngày 01/10/2013. Về tài sản chung, nợ chung chính quyền không nắm rõ.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết xét xử vắng mặt. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng Đ đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại kHn 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về Việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm a kHn 1 Điều 227, kHn 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; điểm đ kHn 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn với anh Vi Văn Hòa.

Về con chung: Giao cháu Vi Thị V, sinh ngày 15/01/2011 và cháu Vi Thành Đ, sinh ngày 01/10/2013 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vi Văn Hòa không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không kê khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị D được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị D khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vì Văn Hòa và giải quyết vấn đề về con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại kHn 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Vì Văn Hòa có địa chỉ tại xã Chiềng Kh, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Sơn La theo quy định tại điểm a kHn 1 Điều 35 và điểm a kHn 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về Việc không hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đảm bảo theo quy định tại kHn 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Vì Văn Hòa có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Noi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là Ủy ban nhân dân xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La) vào ngày 23/3/2014, Việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc, khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 9; kHn 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị D và anh Hòa xuất phát từ Việc hai vợ chồng tính cách khác nhau, không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Hòa nghiện chất ma túy hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La dẫn đến gia đình không hạnh phúc, bản thân chị D và anh Hòa đều nhất trí và mong muốn được ly hôn. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích của hôn nhân không Đ được. Việc quyết định cho chị D ly hôn anh Hòa là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự, có căn cứ và phù hợp với các quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Tại các tài liệu có trong hồ sơ chị Lò Thị D đề nghị được trực tiếp nuôi con Vì Thị V, sinh ngày 15/01/2011 và con Vì Thành Đ, sinh ngày 01/10/2013 cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Hòa phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Xét thấy: Hiện nay anh Hòa đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La nên không có điều kiện để trực tiếp trông nom chăm sóc giáo dục

con chung. Mặt khác tại bản khai anh Vì Văn Hòa có yêu cầu là nếu ly hôn anh nhất trí giao con chung cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do vậy để đảm bảo mọi quyền lợi cho các cháu, để các cháu phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị D và anh Hòa là giao con Vì Thị V, sinh ngày 15/01/2011 và con Vì Thành Đ, sinh ngày 01/10/2013 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Anh Hòa không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D. Anh Hòa có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều khai không có nợ chung, tài sản chung không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị D là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí được Tòa án chấp nhận nên được miễn toàn bộ án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm đ kHn 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ KHn 1 Điều 28, điểm a kHn 1 Điều 35, điểm a kHn 1 Điều 39, kHn 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ kHn 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị D đối với anh Vì Văn H.

Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Vì Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Vì Thị V, sinh ngày 15/01/2011 và con Vì Thành Đ, sinh ngày 01/10/2013 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh Hỏa) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Hỏa thực hiện quyền này, không được lạm dụng Việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vì Văn Hỏa không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không có người yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lò Thị D được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La (02);
- Các đương sự;
- UBND xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Sơn La;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lô Văn Long